

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **23/2019/HNGĐ-ST**

Ngày **09/5/2019**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019 /QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Mỹ X** - sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn T** - sinh năm 1990 (vắng mặt lần 2 không có lý do)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Hà Mỹ X trình bày:** Chị Hà Mỹ X và anh Trần Văn T tự quen nhau khoảng 02 tháng đi đến chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 31/12/2015.

Lý do chị X xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Anh T thường xuyên đi ăn nhậu về đến nhà vợ chồng có lời qua

tiếng lại, anh T còn đánh đập chị X, còn chửi chị X những điều thô tục, anh T không quan tâm đến vợ con. Nay chị X xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên làm đơn ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 người con tên: Trần Gia H - sinh ngày 07/6/2015.

- Về tài sản chung, nữ trang, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị X yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị X yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*** Trong quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn anh Trần Văn T trình bày:**

Anh T đồng ý với lời trình bày của chị X vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn, con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng thường cự cãi về vấn đề tiền bạc. Do năm 2017 khi vợ chồng cãi nhau thì chị X hay về nhà mẹ ruột nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Anh T không đồng ý ly hôn với chị X, anh T đồng ý giao con cho chị X nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Trần Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh T chung sống với nhau được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/2015 đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị X là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 6/2018 phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau vấn đề tiền bạc, có lối sống không phù hợp, trong lúc nóng giận anh T có lời nói không tế nhị làm tổn thương tình cảm của vợ chồng, từ đó làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mặt khác chị X, anh T đã bỏ mặc nhau,

hai bên đã ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị X, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X được ly hôn với anh T. Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh T, không đồng ý ly hôn với chị X.

[3] Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị X và anh T. Giao cho chị X tiếp tục nuôi người con tên Trần Gia H - sinh ngày 07/6/2015. Chị Hà Mỹ X không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị X, anh T xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị X phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Mỹ X được ly hôn với anh Trần Văn Tá.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Hà Mỹ X tiếp tục nuôi người con tên Trần Gia H - sinh ngày 07/6/2015. Chị Hà Mỹ X không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hà Mỹ X cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Trần Văn T tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc Hà Mỹ X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005325 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Trị;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến